

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Nghị

Ông Đào Đức Giang

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, 117, 122, 123, 131 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2025/TLST-DS, ngày 27-11-2025;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Người có quyền lợi và liên quan không có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị C**, sinh năm: 1977; Căn cước công dân số: 049177001562, cấp ngày: 17/04/2021, nơi cấp: **Cục C1** về TTXH; Nơi cư trú: **Thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh**.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà **Võ Thị C**: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh ngày: 03-07-1997; CCCD số: 042197013529, cấp ngày: 19-02-2022, nơi cấp: **Cục C1** về TTXH; cư trú: **Thôn V, xã K, tỉnh Hà Tĩnh**. (Theo Giấy ủy quyền chứng thực số 44 quyền số 01/2025/-SCT/CK, ĐC ngày 21/07/2025 tại **Trung tâm P, tỉnh Hà Tĩnh**)

2. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1999; Căn cước công dân: 042199010909, cấp ngày: 07-10-2024, nơi cấp: **Bộ C2**; cư trú: TDP. **T, phường S, tỉnh Hà Tĩnh**.

(Theo Giấy ủy quyền chứng thực số 44 quyền số 01/2025/-SCT/CK, ĐC ngày 21/07/2025 tại **Trung tâm P**)

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh ngày: 06-06-1977; CCCD số: 042177002695; cư trú: **Thôn H xã K, tỉnh Hà Tĩnh**

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Thành V**, sinh ngày: 06-10-1973; Căn cước công dân số: 042073009530; Nơi cư trú: **Thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh**.

2. Ông **Hoàng Long Bá N**, sinh ngày: 19-09-1976; Căn cước công dân số: 042076003397, cấp ngày: 17/04/2021, nơi cấp: **Cục C1** về TTXH; Nơi cư trú: **Thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà **Nguyễn Thị X** đồng ý thanh toán cho bà **Võ Thị C** tổng số tiền 34.946.340 đồng (*Ba mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi đồng*), bao gồm: Tiền vay gốc theo Giấy vay tiền lập ngày 10/02/2019 là: 22.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả: 12.946.340 đồng (tiền lãi chậm trả từ ngày 27/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2026, lãi suất 0,83%/tháng).

2.2. Về phương thức thanh toán: Bà **Nguyễn Thị X** thanh toán cho bà **Võ Thị C** tổng số tiền 34.946.340 đồng theo phương thức trả dần, mỗi tháng thanh toán 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), vào ngày 30 hằng tháng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền nêu trên. Trường hợp bà **Nguyễn Thị X** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền hằng tháng và không đúng thời hạn trong 02 tháng liên tiếp thì bà **Võ Thị C** thực hiện quyền thi hành án dân sự, yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định pháp luật.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn bà **Võ Thị C** tự nguyện nhận nộp thay cho bị đơn bà **Nguyễn Thị X** số tiền 1.747.317 đồng (*Một triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm mười bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.480.000 đồng (*Hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh theo Biên lai thu tiền số 0000685 ngày 25-11-2025. Bà **Võ Thị C** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 732.683 đồng (*Bảy trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều" Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều" Điều 4, Điều 6, Điều 7 và 8 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều" Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 2 – Hà Tĩnh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thạch